

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **69**/2026/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định về chức danh, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;  
nguồn lực để bảo đảm công tác trật tự đô thị của Thành phố**  
(Thực hiện điểm a khoản 1 Điều 14 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 16/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 168/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 189/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 336/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 69/2026/NĐ-CP;*

*Xét Tờ trình số 193/TTr-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026 và số 278/TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về chức danh, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; nguồn lực để bảo đảm công tác trật tự đô thị trên địa bàn Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 137/BC-BĐT ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Ban Đô thị*

*h*

*Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo giải trình số 237/BC-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp thứ tư Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XVII, nhiệm kỳ 2026-2031;*

*Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết quy định về chức danh, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; nguồn lực để bảo đảm công tác trật tự đô thị của Thành phố.*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị quyết này quy định chức danh, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các lĩnh vực, gồm: Hoạt động đường bộ; Hoạt động xây dựng; Bảo vệ môi trường; Quản lý, sử dụng vỉa hè, lòng đường; Quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị; Phòng cháy chữa cháy (quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 13 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ) khác với quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; chính sách đầu tư nguồn lực để bảo đảm quản lý nhà nước tập trung, thống nhất, hiệu quả trong lĩnh vực trật tự đô thị của thành phố Hà Nội.

2. Đối với các chức danh không được quy định tại Nghị quyết này thì áp dụng thực hiện theo quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính và các quy định pháp luật có liên quan.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Trưởng phòng trực thuộc Sở được giao nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành, Trưởng đoàn kiểm tra liên ngành (thành lập theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố).

2. Trưởng phòng chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã được giao nhiệm vụ quản lý các lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này.

#### **Điều 3. Nguyên tắc áp dụng**

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả, tập trung, thống nhất công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực trật tự đô thị, đáp ứng yêu cầu phát triển của Thủ đô.

2. Áp dụng đúng đối tượng, đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả, tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

3. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại Nghị quyết này chịu trách nhiệm theo quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính.

## **Chương II**

### **CHỨC DANH, THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC TRẬT TỰ ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ**

**Điều 4. Thẩm quyền của Trưởng phòng trực thuộc Sở được giao nhiệm vụ kiểm tra chuyên ngành, Trưởng đoàn kiểm tra liên ngành (thành lập theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố)**

1. Phạt cảnh cáo.
2. Phạt tiền đến 40% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15.
3. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.
4. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại khoản 2 Điều này.
5. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15 và các Nghị định chuyên ngành đối với các lĩnh vực được nêu tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này.
6. Chịu trách nhiệm giám sát, đôn đốc đối tượng vi phạm thực hiện đầy đủ các nội dung theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã ban hành; thông báo, chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức cưỡng chế, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

**Điều 5. Thẩm quyền của Trưởng phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã được giao nhiệm vụ quản lý trật tự đô thị**

1. Phạt cảnh cáo.
2. Phạt tiền đến 25% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực tương ứng quy định tại Điều 24 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15.
3. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn.
4. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại khoản 2 Điều này.
5. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15 và các Nghị định chuyên ngành đối với các lĩnh vực được nêu tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này.

6. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã áp dụng các biện pháp ngăn chặn; chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã ban hành và các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của các cơ quan cấp trên theo quy định.

#### **Điều 6. Việc sử dụng con dấu**

Các chức danh quy định tại Điều 4, Điều 5 của Nghị quyết này được sử dụng con dấu của cơ quan chủ quản khi thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra và xử lý vi phạm trong các lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này.

### **Chương III**

## **CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ NGUỒN LỰC ĐỐI VỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ TRẬT TỰ ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ**

#### **Điều 7. Về chính sách đầu tư nguồn lực**

1. Hàng năm, Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí ngân sách để đảm bảo cho các hoạt động quản lý, kiểm tra, giám sát trật tự đô thị do các cơ quan chức năng thực hiện, bao gồm: mua sắm trang phục, phương tiện, thiết bị và các nội dung khác phục vụ công tác quản lý theo yêu cầu của thực tiễn.

2. Xây dựng, liên thông hệ thống cơ sở dữ liệu số về đất đai, quy hoạch, xây dựng, kết quả xử lý vi phạm hành chính từ các cơ quan chuyên môn đến Ủy ban nhân dân cấp xã; Áp dụng hệ thống giám sát thông minh và các nền tảng số dùng chung của Thành phố để phục vụ công tác tra cứu, kiểm tra và xử lý vi phạm kịp thời.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức sắp xếp, kiện toàn tổ chức, biên chế đối với lực lượng thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính quy định tại Nghị quyết này.

4. Ủy ban nhân dân Thành phố định kỳ tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức, chuyên môn, ứng dụng công nghệ thông tin cho lực lượng làm công tác quản lý trật tự đô thị để đáp ứng phù hợp với thực tiễn quản lý tại Thủ đô.

5. Hàng năm, cơ quan kiểm tra chuyên ngành lĩnh vực trật tự đô thị có trách nhiệm xây dựng Dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền xem xét bố trí ngân sách để phục vụ việc chi trả chế độ hỗ trợ, mua sắm theo quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Chương IV**

## **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 8. Tổ chức thi hành**

1. Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm:

a) Tổ chức thi hành Nghị quyết này;

b) Tổ chức xây dựng, đề xuất Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành các quy định chi tiết để triển khai thực hiện đối với các nội dung tại Điều 7 của Nghị quyết này; Ban hành Quy chế phối hợp giữa các Sở, Ủy ban nhân dân cấp xã và các lực lượng chức năng trong công tác kiểm tra, xử lý vi phạm trong các lĩnh vực được quy định tại Nghị quyết này;

c) Định kỳ hoặc đột xuất đánh giá kết quả thực hiện để báo cáo, đề xuất Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, điều chỉnh đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế phát triển kinh tế xã hội của Thành phố;

d) Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, đề xuất bổ sung các quy định về chức danh, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; nguồn lực để bảo đảm công tác trật tự đô thị phù hợp với điều kiện thực tiễn của Thành phố.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thành phố Hà Nội thực hiện tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 9. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

*Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVII, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 15 tháng 6 năm 2026./.*

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Xây dựng, NN&MT, Tư pháp;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy, các Ban Đảng Thành ủy,
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND TP, UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ các xã, phường;
- Trung tâm TT, DL và CNS Thành phố;
- Lưu: VT. *ke*

**CHỦ TỊCH**



**Phùng Thị Hồng Hà**